

**Bản án số: 219/2019/HS-ST**

Ngày: 23/12/2019.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đặng Quốc Thái và bà Đỗ Thị Loan

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lữ Thị Kiều Oanh - thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:* bà Chu Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 215/2019/TLST-HS ngày 19/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2019/QĐXXST-HS ngày 12/12/2019 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Trung Đ**, sinh năm 1996; HKTT: số 14/92, đường C, tổ dân phố V, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Đảng phái: không; Con ông: Nguyễn Trung Q, sinh năm 1970 và bà Dương Thị P, sinh năm 1971; Vợ, con: chưa; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân:

Năm 2011, Công an phường D, quận H, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi *Hủy hoại tài sản*.

1. Bản án hình sự sơ thẩm số 34/HSST/2014 ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 13 tháng 18 ngày về tội *Trộm cắp tài sản*.

2. Bản án hình sự sơ thẩm số 38/HSST/2015 ngày 12/3/2015 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*. Tổng hợp hình phạt với 07 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/HSST/2014 ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 13 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2015, trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.000.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an Quận H. Danh chỉ bản số 472 Lập ngày 20/9/2019 tại Công an quận H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Ngọc H**, sinh năm 1999; HKTT: thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Thái Bình; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Đảng phái: không; Con ông: Trần Ngọc N, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/9/2019 đến ngày 29/9/2019. Danh chỉ bản số 493 Lập ngày 27/9/2019 tại Công an quận H. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\* **Người bị hại:** chị Trương Thị D, sinh năm: 1996, trú tại: xã T, huyện B, tỉnh V. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1974, trú tại: tổ dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995, trú tại: thôn V, xã A, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1970; HKTT: tổ dân phố H, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H là bạn quen biết. Do không có tiền ăn tiêu, Đ và H rủ nhau đi tìm xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/7/2019, Đ điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm sát BKS: 29X5- 227.95 phía sau chở H đi đến trước cửa dãy phòng cho thuê trọ của bà Nguyễn Văn U sinh năm 1966, ở số 02 ngách 112/11, đường Y, phường D, quận H, thành phố Hà Nội thì phát hiện thấy tại sân khu nhà trọ có dựng 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đen, BKS: 88G1-180.98, số khung 221344, số máy 5221476 của chị Trương Thị S- SN: 1996, trú tại: xã Trung Mỹ, huyện Bình Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xe có khóa cổ, không khóa càng, không có người trông giữ. Đ bảo H đứng ngoài cảnh giới, còn Đ đi vào trong sân khu trọ dùng tời vít mang sẵn từ trước, mở khóa điện chiếc xe của chị S, Đ điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88G1-180.98 của chị S đi ra chỗ H đang đứng và cùng H điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng đen bạc, biển kiểm sát BKS: 29X5- 227.95 đi về ngã tư L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội thì đổi xe cho nhau, còn chiếc xe máy BKS: 29X5- 227.95 Đ mang về trả cho anh Đặng Đình T - sinh năm 1997, trú tại: tổ dân phố H, phường D, quận H, thành phố Hà Nội (do Đ mượn xe máy của anh M trước đó). Sau đó, Đ và H điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đen, BKS: 88G1-180.98, số khung 221344, số máy 5221476 trộm cắp được của chị S đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn E - SN 1988, trú tại: thôn N, xã A, huyện Đ, thành phố

Hà Nội thay ổ khóa và tháo biển kiểm soát của chiếc xe. Sau đó, Đ mang chiếc xe máy trộm cắp được của chị S bán cho chị Nguyễn Thị D - sinh năm:1974, HKTT: tổ dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội lấy số tiền 3.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, Đ một mình sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cùng ngày, chị Trương Thị S đã có đơn trình báo đến Công an phường D, quận H trình báo bị mất tài sản là 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đen, BKS: 88G1-180.98, số khung 221344, số máy 5221476, đã qua sử dụng.

Ngày 17/9/2019 và ngày 26/9/2019, Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H lần lượt đến Công an quận H đầu thú khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

**\* Vật chứng thu giữ:**

Thu giữ của chị Nguyễn Thị D 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, không biển kiểm soát, sơn màu đen, số khung 221344, số máy 5221476, đã qua sử dụng, là tài sản Đ và H đã chiếm đoạt của chị Trương Thị S.

Thu giữ của chị Nguyễn Thị B 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm sát BKS: 29X5- 227.95, số khung 241415, số máy 5241577, đã qua sử dụng, là phương tiện Đ và H sử dụng để trộm cắp tài sản.

Thu của Nguyễn Trung Đ, tự nguyện giao nộp, số tiền 3.700.000 đồng là số tiền Đ bán chiếc xe máy của chị Trương Thị S mà có.

Tại Biên bản và kết luận định giá tài sản số 157/KL-HĐĐG ngày 12/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hà Đông, kết luận: *“01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88G1-180.98 màu đen, số khung: 221344, số máy: 5221476 (đã qua sử dụng) trị giá 10.200.000 đồng”*.

Tại bản cáo trạng số 218/CT-VKS-HĐ ngày 19/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Tại phiên tòa:**

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 17/9/2019 về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 31; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 09 tháng đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trách nhiệm dân sự: do người bị hại đã nhận lại tài sản không có ý kiến gì nên

không đề nghị xem xét.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hoàn toàn đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/7/2019, tại sân khu nhà cho thuê trọ của gia đình ông Nguyễn Văn U ở số 02 ngách 112/11 đường Y, phường D, quận H, thành phố Hà Nội, L dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu. Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trương Thị S 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS 88G1-180.98, sơn màu đen, số khung 221344, số máy 5221476 trị giá 10.200.000 đồng. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi trên của các bị cáo là trái phép, đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố các bị cáo Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn.

Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy: bị cáo Nguyễn Trung Đ là người rủ rê, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, trực tiếp thực hiện tội phạm, một mình bị cáo hưởng lợi nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo H. Bị cáo Đ có nhân thân xấu đã bị kết án về hành vi cùng loại nhưng vẫn tiếp tục phạm tội cùng loại do cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bị cáo Trần Ngọc H nhân thân chưa tiền án, tiền sự, thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự ra đầu thú, gia đình bị cáo Đ đã nộp tiền khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng xét chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác

dụng phòng ngừa và giáo dục đối với bị cáo là đúng theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: các bị cáo có không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Trương Thị S 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đen, BKS: 88G1-180.98, số khung 221344, số máy 5221476. Chị S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Đối với 01(một) chiếc Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm sát BKS: 29X5- 227.95 (đã qua sử dụng), là phương tiện Đ và H đã sử dụng để trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra xác định: chiếc xe máy nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1995, trú tại: thôn V, xã A, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 11/4/2019, anh Hoàng Bá V - sinh năm 1993, trú tại: thôn V, xã A, huyện Đ, thành phố Hà Nội (là chồng chị B) đã cầm cố chiếc xe cho anh Đặng Đình M - sinh năm 1997, HKTT: tổ dân phố H, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Ngày 30/6/2019, anh M cho Đ mượn chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Ngày 16/7/2019, Đ đã trả lại anh M chiếc xe. Ngày 20/7/2019, anh V đã chuộc lại chiếc xe 01 (một) chiếc Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm sát BKS: 29X5- 227.95 đã cầm cố tại nhà anh M. Chị B, anh V và anh M không biết Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H đã sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị D là người mua 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, không biển kiểm sát, số khung: 221344, số máy: 5221476 của Nguyễn Trung Đ. Kết quả điều tra xác định: Chị D không biết chiếc xe là tài sản do Đ phạm tội mà có nên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị D về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Số tiền 3.700.000 đồng gia đình bị cáo Nguyễn Trung Đ tự nguyện nộp là tiền Đ bán chiếc xe máy của chị Trương Thị S. Xét chị D không biết chiếc xe trên là do Đ trộm cắp mà có, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị D toàn bộ số tiền trên là có căn cứ.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Đ)

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo H)

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 17/9/2019.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trung Đ và Trần Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Công an quận Hà Đông;
- Cơ quan THADS quận Hà Đông;
- Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Mai**